

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/10/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLI+VSP02+TD3	7:25	1+0+19	0+0+0		1+0+21	0+0+0	CHUYEN 2 CLI- VSP02
2		BK10+BK3+PPD	7:25	12+7+3	0+0+0		9+8+5	0+0+0	
3		P10+P2	7:25	16+6	0+0		11+11	0+0	
4		P9+P10	9:25	13+9	0+0		8+14	0+0	CHUYEN 4 P9- P10
5		BK8+BK15+TTC2	9:25	12+9+0	0+0+0		10+9+2	0+0+0	
6		BK4+P2	9:25	0+8+14	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
7		P11+BK6	11:25	14+8	0+0		11+11	0+0	
8		RP2+TD3+P9	11:25	5+6+11	0+0+0		0+5+17	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: CLI - VSP02 - TD3	CREW: Hồi - DUONG - QTrưởng	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ HỮU TRƯỞNG	CLI	52	1	5		80	PSV	Vietnamese
2	OLEYNIK IVAN	TD3	74	1	3		74	KHOAN	Russian
3	PHẠM VIỆT DŨNG	TD3	62	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN HỮU THỌ	TD3	67	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
5	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM HUNG DUONG	TD3	65	1	5		95	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN MẠNH HUNG	TD3	69	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	ĐÀO TIẾN THIẾT	TD3	77	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HUY THAI	TD3				20	75	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN THĂNG LỢI	TD3	76	1	5	44	57	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ LONG PHI	TD3	75	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ TIẾN DŨNG	TD3	66	1	2		64	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN NGHĨA	TD3	63	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ HUYNH TRUNG	TD3	72	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
15	BUI THAI QUI	TD3	73	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
16	ĐOÀN BŨU TAM	TD3	68	1	10		90	KHOAN	Vietnamese
17	ĐINH QUANG CHIẾN	TD3	71	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ HỮU HẠ	TD3	64	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG KHÁC	TD3	70	1	8		64	KHOAN	Vietnamese
20	ĐỖ VINH TUY	TD3	78	1	5		82	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

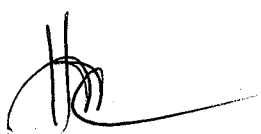
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	1	1	5	80	0	1+2		CHUYỂN 02 PAX TỪ CLI SANG VSP02
2	VSP02	0	0	0	0	0	0		
3	TD3	19	17	102	1.389	64	21		
TOTAL		20	18	107	1.469	64	22		
WEIGHT KG				107	1.469	64			

GRAND TOAL: 1.640 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:25
FLIGHT: 02	TO: BK10 - BK3 - P2	CREW: TUYỀN - Khang - HIẾU	ETA: 09:05
XANH-1			

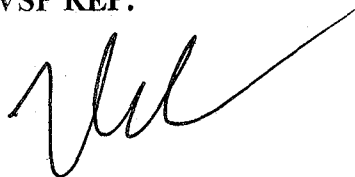
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CONG TAN	BK10	13	1	4	50	86	KH-THAC	Vietnamese
2	VU XUAN THUY	BK10	11	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO TUAN HUNG	BK10	09	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN SACH ĐON	BK10	12	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM NGOC QUY	BK10	07	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DINH NAM	BK10	02	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HIEU	BK10	01	1	9		81	KH-THAC	Vietnamese
8	LE NGOC THANG	BK10	08	1	12		81	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM VIET HUNG	BK10	14	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG NHAT	BK10	03-04	2	14		55	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN HAM CHUNG	BK10	05	1	10	15	70	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN THANH SON	BK10	10	1	5		76	PSV	Vietnamese
13	VU DUY KHUONG	BK3	83	1	7	40	61	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN PHUOC	BK3	80	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH PHONG	BK3	81	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN DUC THIET	BK3	82	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM BA BINH	BK3	79	1	6		67	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN LOAN	BK3	86	1	5		45	PSV	Vietnamese
19	VU DUC HOANG	P2	53	1	5		67	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN HUU LONG	P2	54	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI MINH TRI	P2	51-52	2	14		81	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	12	13	107	847	65	9		
2	BK3	6	6	35	385	40	8		
3	P2	3	4	28	222	0	5		
TOTAL		21	23	170	1.454	105	22		
WEIGHT KG				170	1.454	105			

GRAND TOAL: 1.729 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: P10 - P2	CREW: Vận - ĐNam - Luy	ETA: 09:25
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ ANH QUỐC	P10	465	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	P10	44	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ NGUYỄN TRUNG	P10					48	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH KHOA	P10	38	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN BAO LÂM	P10	41	1	5	60	69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	47	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN NAM	P10	42	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẦN ĐĂNG TUÂN	P10	37	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10					80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NAM	P10	36	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	45	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC TOÀN	P10	40	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P10	43	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	35	1	3		54	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC THANH	P10	39	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P2	57-58	2	14		73	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ NGỌC HÙNG	P2	59	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THẾ ANH	P2	60	1	2	58	67	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ CÔNG KHANG	P2	61	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ VĂN THỌ	P2	55	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ THANH LONG	P2	56	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐOÀN KHÁC CÁN	P2	66	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	15	13	65	1.001	60	11		
2	P2	7	8	45	463	58	11		
TOTAL		22	21	110	1.464	118	22		
WEIGHT KG				110	1.464	118			

GRAND TOAL: 1.692 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	TO: P9 - P10	CREW: Hôi - DUONG - QTrưởng	ETA: 11:20
cam-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VASIANKIN	P9	62	1	17		120	KH-THAC	Russian
2	IAKIMIDI	P9	59	1	10		100	KH-THAC	Russian
3	PHẠM ĐỨC BÌNH	P9	60	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN HOANG	P9	69	1	9	80	67	KH-THAC	Vietnamese
5	LE MINH THUY	P9	68	1	4	35	73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BA KY	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
7	VÕ VĂN THOAI	P9	64	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ AN CHUNG	P9	65	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẠO THIÊN THUẬT	P9	67	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI NGOC THAN	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT CƯƠNG	P9	61	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN DUNG	P9	63	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HA	P9	66	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VAN LOI	P9	70	1	4		67	YTE	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P10	53	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LE CHI HIEU	P10	51	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TẤT THANH	P10	55	1	5	15	70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯƠNG VĂN MINH	P10	52	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HUYNH VU	P10					72	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM HIEU LIEM	P10	54	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THẾ HANH	P10	57	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
22	LE HOAI THANH	P10	56	1	5		60	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	14	12	85	1.039	115	8+4		CHUYEN 4 PAX P9 SANG P10
2	P10	8	7	33	544	15	14		
TOTAL		22	19	118	1.583	130	22		
WEIGHT KG				118	1.583	130			

GRAND TOAL: 1.831 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	TO: BK8 - BK15 - TTC2	CREW: TUYỀN - Khang - HIẾU	ETA: 11:15
XANH-2			

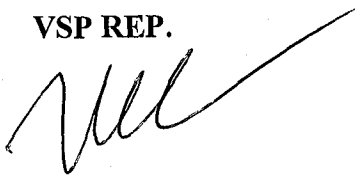
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	BK8	12	1	15		80	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAN ĐÌNH MINH	BK8	96-97	2	15		61	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN TRÁ	BK8	04	1	8		80	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAN TIẾN DUNG	BK8	98	1	8		67	XAYLAP	Vietnamese
5	LIU CÔNG ĐÌNH	BK8	07	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN LỢI	BK8	05-06	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG HÙNG	BK8	99	1	14		57	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI VĂN CHÍNH	BK8	800	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
9	VƯƠNG HUY HOÀN	BK8	37-38	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN KIM	BK8	13-14	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
11	VU QUANG DUONG	BK8	10	1	10	21	75	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐINH VĂN THIÊN	BK8	08-09	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU LƯU	BK15	88	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	BK15	73	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH CÔNG	BK15					63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	BK15	71	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN HỒNG LĨNH	BK15	69	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM ĐỀ	BK15	70	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN MẠNH VƯƠNG	BK15	74-75	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐINH QUANG SƠN	BK15	44,84	2	13		55	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG VAN PHUONG	BK15	94	1	5		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

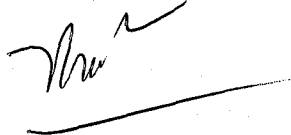
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	12	17	164	810	21	10		
2	BK15	9	10	61	588	40	9		
3	TTC2	0	0	0	0	15	2		
TOTAL		21	27	225	1.398	76	21		
WEIGHT KG				225	1.398	76			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	TO: BK4 - P2	CREW: Vn - Mạnh - Luy	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TIEN DUNG	BK4	21	1	2	40	78	KH-THAC	Vietnamese
2	LE TRONG LINH	BK4	20	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
3	LE BA TUAN	BK4	18-19	2	12		64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TIEN	BK4	17	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
5	LE DUC HUY	BK4	68-69	2	14		63	T-TIN	Vietnamese
6	PHAM XUAN MANH	BK4	15-16	2	5		64	PSV	Vietnamese
7	VU XUAN CHINH	BK4				24	61	XAYLAP	Vietnamese
8	VO ANH NGOC	P2	59	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	DUONG VAN THUAN	P2	56	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM MINH DUONG	P2	60-61	2	10		86	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DUY NGOC	P2	55	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO HOANG NAM	P2	57	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HUU PHI	P2					72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN DO	P2					66	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM THANH KIM	P2	63	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
16	DAO QUANG THIET	P2	62	1	11		66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN THUY	P2	64	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
18	LE QUY TOAN	P2	58	1	8		57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	7	9	44	481	64	5		
2	P2	11	10	68	746	0	17		
TOTAL		18	19	112	1.227	64	22		
WEIGHT KG				112	1.227	64			

GRAND TOAL: 1.403 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 07	TO: P11 - BK6	CREW: Hôi - DUONG - Q.Trường	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRUNG HAI	P11	36	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VIỆT DUNG	P11	27	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
3	HUYNH THANH TAM	P11				22	89	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN HAI VIỆT	P11	37	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG SY NGOC	P11	28	1	5	40	65	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI VAN BA	P11	31-32	2	7	30	73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NĂM	P11	29	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN TRI	P11	30	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CUONG	P11	39-40	2	5		77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUÝ TÀI	P11	26	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THIÊN NAM	P11	33	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ MẠNH HÙNG	P11	25	1	3		70	ANTOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG TÂN	P11	38	1	5		60	PSV	Vietnamese
14	NGÔ VĂN THANH	P11	34-35	2	10		75	PSV	Vietnamese
15	ĐINH VŨ TIỀN	BK6	32-33	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ HUY DUÂN	BK6	24-25	2	17		66	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG THOA	BK6	20	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH PHŨ	BK6	16-17	2	12		80	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN VĂN HẠNH	BK6	18-19	2	18		80	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ XUÂN VIỆT	BK6	26	1	5	50	60	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐẶNG ĐÌNH LỰC	BK6	21	1	8		57	XAYLAP	Vietnamese
22	HOÀNG VĂN HỒNG	BK6	14-15	2	17		97	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	14	16	76	989	92	11		
2	BK6	8	13	109	580	50	11		
TOTAL		22	29	185	1.569	142	22		
WEIGHT KG				185	1.569	142			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:45
FLIGHT: 08	TO: RP2 - TD3 - P9	CREW: Khang - CHIẾN - HIẾU	ETA: 13:25
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG NGOC LAN	RP2					80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN THANH	RP2	600	1	5		70	NIPI	Vietnamese
3	NGUYEN THANH THAI	RP2	98	1	5	20	88	NIPI	Vietnamese
4	TRAN NGUYEN QUY	RP2	27	1	5		71	NIPI	Vietnamese
5	NGUYEN THANH HUNG	RP2	96-97	2	15		67	NIPI	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC HIEP	TD3	90	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
7	TRAN VAN DU	TD3	83	1	4		55	DVL	Vietnamese
8	CHU DINH THANH	TD3	84	1	5	25	50	DVL	Vietnamese
9	DUONG TRUNG KIEN	TD3	85	1	5		60	DVL	Vietnamese
10	TRINH XUAN TINH	TD3	86-87	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
11	DUONG TRUNG DUNG	TD3	89	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN VAN BANG	P9	79	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC LUONG	P9	86	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
14	LE NGOC THANH	P9	87	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN VAN HAI	P9	82	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
16	THAI VAN TUAN	P9	85	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM DUC TAI	P9	83	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN CAO CHI	P9	84	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
19	HO SY BINH	P9	78	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
20	LE MINH THUY	P9					78	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DUC BINH	P9	88	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN DINH TRONG	P9	80	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	5	5	30	376	20	0		
2	TD3	6	7	51	378	25	5		
3	P9	11	10	52	758	0	17		
TOTAL		22	22	133	1.512	45	22		
WEIGHT KG				133	1.512	45			

GRAND TOAL: 1.690 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/10/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.JUNG	7:25	15	0		19	0	
2		CLI+BK6+P5	7:25	16+5+1	0+0+0		10+4+8	0+0+0	
3		CTK3+GTCl+JS2	7:25	13+5+4	0+0+0		11+5+6	0+0+0	
4		TTCl+P6+CTK3	7:25	0+3+13	0+0+0		4+0+18	0+0+0	CHUYEN 2 TTCl-P6
5		RP2+PPD+P4	7:25	0+17+1	0+0+0		0+15+7	0+0+0	CHUYEN 4 RP2 P4
6		P4+P3+CTK3	9:25	0+10+8	0+0+0		3+1+18	0+0+0	CHUYEN 1 P4- P3
7		PPD+CLO+RP3	9:25	20+2+0	0+0+0		8+2+12	0+0+0	
8		CTK3+BK9+Cl	9:25	14+0+8	0+0+0		7+0+15	0+0+0	CHUYEN 1 CTK3-BK9
9		RC5+RC3+BK16	9:25	8+3+5	0+0+0		9+3+10	0+0+0	
10		P7+CNV+AMD	11:25	9+0+12	0+0+0		0+2+20	0+0+0	
11		PPD+Cl	11:25	7+15	0+0		6+16	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	TO: T.UNG	CREW: Hoài - KIÊN	ETA: 10:35
VANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	T.UNG	08	1	7		67	PVD	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC HIỆU	T.UNG	05	1	8		68	PVD	Vietnamese
3	ZELENSKY	T.UNG	13	1	5	80	75	KH-THAC	Russian
4	PHẠM THANH TÙNG	T.UNG	09	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ XUÂN THANH	T.UNG					75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN XUÂN THUY	T.UNG	10	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ CHIẾN THẮNG	T.UNG	03	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC TOÀN	T.UNG	06-07	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TRẦN SƠN	T.UNG	100	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH BẮC	T.UNG	11	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HOA	T.UNG					76	PSV	Vietnamese
12	HỒ VĂN TỈNH	T.UNG	02	1	4		55	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	T.UNG	04	1	4		63	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	T.UNG	01	1	4		61	PSV	Vietnamese
15	LUƠNG CÔNG ĐẠT	T.UNG	12	1	7		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	15	14	75	1.002	80	19		
	TOTAL	15	14	75	1.002	80	19		
	WEIGHT KG			75	1.002	80			

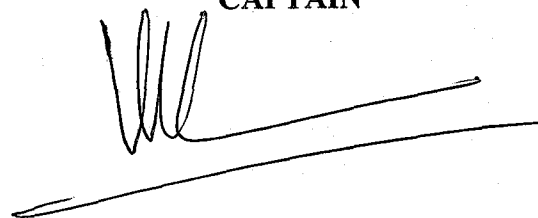
GRAND TOAL: 1.157 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:20
FLIGHT: 02	TO: CLI - BK6 - P5	CREW: TUYỀN - HỒI - VẠNH -	ETA: 09:00
xanh-1		MQUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRIANDOFILIDI Y.I.	CLI					95	KH-THAC	Russian
2	SABITOV A.A.	CLI					78	KH-THAC	Russian
3	KHOROSHENKOV	CLI	81	1	7		85	KH-THAC	Russian
4	CHERNYSHEV	CLI	78	1	5		120	KH-THAC	Russian
5	DOKUCHAIEV	CLI	80	1	5		105	KH-THAC	Russian
6	NGUYỄN CÔNG LAM	CLI	87	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
7	MAI NGỌC THIẾT	CLI	83	1	5	45	70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ANH VIỆT	CLI	79	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC SƠN	CLI	93	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ MINH TIẾN	CLI	86	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	HUỲNH TRỌNG KIM	CLI	88	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC NGHI	CLI	76-77	2	4		60	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN ĐOÀN	CLI	92	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NAM KHANH	CLI	85	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
15	TÔ QUỐC THỊNH	CLI	84	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH LONG	CLI	82	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	BK6	33-34	2	10		76	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN CẢNH LUYỆN	BK6	35-36	2	17		70	XAY LAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT DUNG	BK6	30	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM HỒNG VŨ	BK6	31	1	7		45	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC HẠO	BK6	32	1	15		80	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN QUÝ TRUNG	P5	17	1	5	70	67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

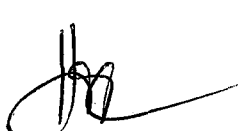
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	16	15	83	1.245	45	10		
2	BK6	5	7	59	331	0	4		
3	P5	1	1	5	67	70	8		
TOTAL		22	23	147	1.643	115	22		
WEIGHT KG				147	1.643	115			

GRAND TOAL: 1.905 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:25
FLIGHT: 03	TO: CTK3 - GTC1 - JS2	CREW: HUNG - DUONG - Luy	ETA: 09:05
CAM-1			

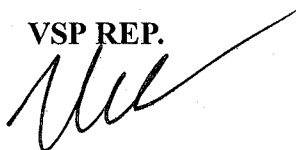
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN DAI	CTK3	40	1	6	45	74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC HIEU	CTK3					68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HOANG HA	CTK3	39	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	DUONG VAN MANH	CTK3	34	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔ TRỌNG TUẤN	CTK3	35	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
6	VU XUAN TRUC	CTK3	33	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI VAN THAI	CTK3	42-43	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN DAN	CTK3	37	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
9	LE XUAN DAT	CTK3	32	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM TIEN PHUONG	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN HUU DUONG	CTK3	44-45	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN THANG	CTK3	36	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG MAN	CTK3	38	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
14	DAO VAN MINH	CTK3	41	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN NAM THAI	GTC1	03	1	3	45	59	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUU TOAN	GTC1	02	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HONG MINH	GTC1	55-56	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG TRẦN KHANH	GTC1	57	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN QUYET	GTC1	54	1	3		63	PSV	Vietnamese
20	TRUONG QUOC THANG	JS2	16	1	15		81	DVL	Vietnamese
21	BUI NGOC THANH	JS2	04-05	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
22	LUONG THE HIEN	JS2	07-08	2	20		64	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	14	14	71	972	45	11		+1NB (Đai Thay Co)
2	GTC1	5	6	35	344	45	5		
3	JS2	3	5	50	212	0	6		
TOTAL		22	25	156	1.528	90	22		
WEIGHT KG				156	1.528	90			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 04	TO: TTC1 - P6 - CTK3	CREW: Khang - CHIẾN - DTùng - Linh	ETA: 09:10
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE TRUNG TIEN	TTC1	37	1	8	26	70	GETRACO	Vietnamese
2	TRẦN VĂN LẠC	P6	80	1	18		80	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM QUANG LINH	P6	81-82	2	13		57	BA SON	Vietnamese
4	ĐOÀN QUANG KHANH	P6	83-84	2	14		55	BA SON	Vietnamese
5	VU VIET SON	P6	85	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH KHOÁT	CTK3					80	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG VĂN BÌNH	CTK3	08	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	MAKAOB O. B	CTK3	02	1	13		100	KH-THAC	Russian
10	NGUYỄN THANH TÙNG	CTK3	12	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG XUÂN SƠN	CTK3	06-07	2	18		73	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN NHUẬN	CTK3	03	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ TRƯỜNG AN	CTK3	11	1	8	20	83	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ĐỨC HIỆP	CTK3	01	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO ĐÌNH THAM	CTK3	04	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	CTK3	09	1	8	17	72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	1	1	8	70	26	5+2		CHUYEN 02 PAX TU TTC1 SANG P6
2	P6	4	6	50	252	0	0		
3	CTK3	11	11	75	810	37	17		
TOTAL		16	18	133	1.132	63	22		
WEIGHT KG				133	1.132	63			

GRAND TOAL: 1.328 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 05	TO: RP2 - PPD - P4	CREW: ĐỨC - Cường - HTNam	ETA: 09:20
NAU-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HUY TRƯỜNG	PPD	07-08	2	6	20	67	KHI	Vietnamese
2	NGÔ VIỆT ANH	PPD	12	1	4		81	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PPD	04	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NHÂN	PPD	13	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC DU	PPD	19	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PPD					74	KH-THAC	Vietnamese
7	TÔ QUANG HUY	PPD				90	70	KH-THAC	Vietnamese
8	VÕ MẠU MÈN	PPD	11	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐÌNH TIỀN	PPD	10	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TUẤN ANH	PPD	16	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH HẢI	PPD	15	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH SƠN	PPD	03	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN VĂN THẮNG	PPD	20	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	14	1	4		49	KH-THAC	Vietnamese
15	TÔ HIỆN THANH	PPD	05	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
16	TRƯƠNG TUẤN HÙNG	PPD	17	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN BA	PPD	06	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN PHƯỚC HÙNG	P4	01-02,95	3	15		83	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	0	0	0	0	0	0	4	CHUYEN 4 PAX TU RP2 SANG P4
2	PPD	17	16	75	1.124	110	15		
3	P4	1	3	15	83	0	7		
TOTAL		18	19	90	1.207	110	22		
WEIGHT KG				90	1.207	110			

GRAND TOAL: 1.407 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 06	TO: P4 - P3 - CTK3	CREW: TUYỀN - HỒi - VAnh -	ETA: 11:10
VANG-2		MQUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN LINH	P3	98	1	8		70	TRƯỜNG	Vietnamese
2	THẠCH HOÀNG HẠ	P3	99	1	8	20	65	TRƯỜNG	Vietnamese
3	TRẦN THẾ ANH	P3	94	1	7	100	65	TRƯỜNG	Vietnamese
4	HUYNH VĂN PHƯƠNG	P3	96	1	10		70	TRƯỜNG	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P3	05	1	5		60	TRƯỜNG	Vietnamese
6	BUI HUU TUAN	P3	04	1	10		70	TRƯỜNG	Vietnamese
7	HA VAN THANH	P3	95	1	5		75	TRƯỜNG	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC SƠN	P3	03	1	5		65	TRƯỜNG	Vietnamese
9	VÔ TẤN TÀI	P3	93	1	5		65	TRƯỜNG	Vietnamese
10	THẠCH HOÀNG NGHĨA	P3	97	1	7		67	TRƯỜNG	Vietnamese
11	BUI THANH HOẠT	CTK3	77	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC BẦU	CTK3	74	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH DIỆN	CTK3	75	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	76	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN BẦU	CTK3	49	1	5		60	ANTOAN	Vietnamese
17	PHẠM XUÂN HOÀ	CTK3	50	1	12	20	72	YTE	Vietnamese
18	PHẠM VĂN TỰ	CTK3	78	1	5		65	PSV	Vietnamese
19	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	14-15	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	0	0	0	0	0	2 + 1		CHUYỂN 01 PAX TỪ P4 SANG P3
2	P3	10	10	70	672	120	1		
3	CTK3	9	9	59	601	20	19		
TOTAL		19	19	129	1.273	140	22		
WEIGHT KG				129	1.273	140			

GRAND TOAL: 1.542 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 07	TO: PPD - CLO - RP3	CREW: HU'NG - DUONG - PHU.HL -	ETA: 11:15
CAM-2		Luy	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRU'ONG SON	PPD	72-73	2	14		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN PHONG	PPD	71	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HAI SON	PPD	26	1	9		71	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG NGOC HOAI	PPD	27	1	12	24	64	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN CAO CU'ONG	PPD	29	1	7		67	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VAN SA	PPD	65	1	4		69	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NAM	PPD					56	PSV	Vietnamese
8	TRAN MINH THU'AN	PPD	67	1	4		72	PSV	Vietnamese
9	HOANG VAN DOANH	PPD	70,74	2	9		65	PSV	Vietnamese
10	TÀ QUANG PHUC	PPD	68	1	3		108	PSV	Vietnamese
11	LE TIEN LOI	PPD	63	1	4		70	PSV	Vietnamese
12	Y HIEU BUON YA	PPD	33	1	10	22	81	LILAMA	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN TEO	PPD	64	1	5		54	PSV	Vietnamese
14	HOANG XUAN DONG	PPD	66	1	5		61	PSV	Vietnamese
15	VÔ XUAN TOAN	PPD	32	1	4		80	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN DUY TIET	PPD	69	1	5		65	PSV	Vietnamese
17	NGO SY TUYEN	PPD	37	1	9		71	LILAMA	Vietnamese
18	NGUYEN VAN CUONG	PPD	36	1	7		60	LILAMA	Vietnamese
19	LE VAN THU	PPD	30	1	4		75	LILAMA18	Vietnamese
20	LE VAN DUNG	PPD	31	1	3	9	60	LILAMA18	Vietnamese
21	NGUYEN DUY KHUONG	CLO	72	1	5		70	CUC DKV	Vietnamese
22	TRAN HUYNH LAM	CLO	70-71	2	10		76	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	20	21	121	1.390	55	8		
2	CLO	2	3	15	146	0	2		
3	RP3	0	0	0	0	0	12		
TOTAL		22	24	136	1.536	55	22		
WEIGHT KG				136	1.536	55			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 08	TO: CTK3 - BK9 - CLI	CREW: Khang - CHIẾN - DTùng - Linh	ETA: 11:20
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐAM	CTK3	42	1	4		66	PSV	Vietnamese
2	LÊ CÔNG VĂN	CTK3	45	1	5		67	PSV	Vietnamese
3	PHẠM ĐỨC CĂN	CTK3	38	1	4		55	PSV	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HỮU	CTK3	40	1	9		60	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH TIẾN	CTK3	44	1	5		55	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG THÀNH	CTK3	51	1	5		70	PSV	Vietnamese
7	VŨ NGỌC NAM	CTK3	50	1	5		80	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG TÊ	CTK3	46	1	7		58	LILAMA18	Vietnamese
9	TRẦN MINH ĐỨC	CTK3	52-53	2	13		64	LILAMA18	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC TUẤN	CTK3	49	1	7		60	LILAMA18	Vietnamese
11	TRẦN VĂN THUY	CTK3	39,41	2	7		60	LILAMA18	Vietnamese
12	DO VĂN XUAN	CTK3	43	1	5		65	LILAMA	Vietnamese
13	PHẠM VĂN BẠC	CTK3	47	1	7		60	LILAMA	Vietnamese
14	PHẠM MINH NHẬT	CTK3	48	1	6		55	LILAMA	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	CLI	57	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN TUỆ	CLI	56	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN NHÂN	CLI	54	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU LAM	CLI	58	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG QUỐC VIỆT	CLI	60-61	2	10	80	62	KH-THAC	Vietnamese
20	MAI PHÚC LINH	CLI	59	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐINH VĂN HOÀNG	CLI	55	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT HOÀ	CLI	62	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

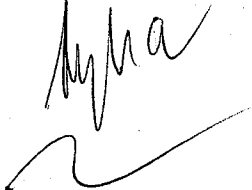
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	14	16	89	875	0	7	4	CHUYỂN 01 PAX TỪ CTK3 SANG BK9
2	BK9	0	0	0	0	0	0		
3	CLI	8	9	43	555	80	15		
TOTAL		22	25	132	1.430	80	22		
WEIGHT KG				132	1.430	80			

GRAND TOAL: 1.642 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 09	TO: RC5 - RC3 - BK16	CREW: ĐỨC - Cường - HTNam	ETA: 11:30
TRANG-2			

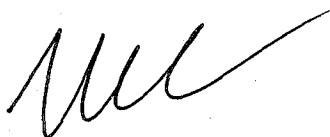
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN DUNG	RC5	21-22	2	17		66	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN HUNG LONG	RC5	30-31	2	14		52	XAYLAP	Vietnamese
3	LE HONG DUONG	RC5	23	1	16	45	63	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HAI	RC5	29	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN CONG DINH	RC5	26-27	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM VAN DAO	RC5	24	1	16		69	XAYLAP	Vietnamese
7	VO TA HUNG	RC5	25	1	16		69	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN DUY HAO	RC5	28	1	6		63	XAYLAP	Vietnamese
9	LE DINH CHINH	RC3					68	NPX	Vietnamese
10	NGUYEN MINH TAI	RC3	37-38	2	8		72	NPX	Vietnamese
11	VU DINH VINH	RC3	39	1	8		69	NPX	Vietnamese
12	NGUYEN MANH TUAN	RC3	40	1	2		70	NPX	Vietnamese
13	VU QUY HOANG	BK16	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN LIEU	BK16	07	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DUY TUAN	BK16	62	1	4	45	70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM VAN HA	BK16	61	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
17	VU DINH CHIEN	BK16	05	1	6		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

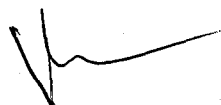
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	8	11	114	514	45	9		
2	RC3	4	4	18	279	0	3		
3	BK16	5	5	23	348	45	10		
TOTAL		17	20	155	1.141	90	22		
WEIGHT KG				155	1.141	90			

GRAND TOAL: 1.386 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:40
FLIGHT: 10	TO: P7 - CNV - AMD	CREW: TUYỀN - HỒI - MQUÂN	ETA: 13:20
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HỒNG THÀNH	P7	27	1	15		73	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH THẠCH	P7	31	1	10		78	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ KHẮC PHƯƠNG	P7	25-26	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI XUÂN NGỌC	P7	22-23	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ QUANG VINH	P7	88-89	2	10		75	XAYLAP	Vietnamese
6	HA MẠNH CUÔNG	P7	93-94	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC ĐOAI	P7	24	1	9		60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN THĂNG	P7	90-91	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ ANH NGỌC	P7	91-92	2	14		54	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN THANH QUANG	AMD	66-67	2	12		75	TLJOC	Vietnamese
11	ĐỖ ĐỨC THỊNH	AMD	62	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN THỊN	AMD	61	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HOANG	AMD	63-64	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÀO CÔNG BÌNH	AMD	68-69	2	10		76	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ HỒNG THAI (PVDT)	AMD	65	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	57	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN QUỐC VIỆT	AMD	58	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH PHÚC ẨM	AMD	71	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG ANH SƠN	AMD	72-73	2	8	45	60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HÙNG	AMD	70	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ ĐẮC ĐÔNG	AMD	59-60	2	8		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

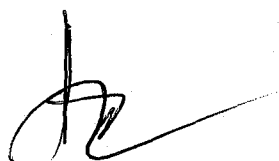
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	9	15	119	608	0	0		
2	CNV	0	0	0	0	45	2		
3	AMD	12	17	93	831	45	20		
TOTAL		21	32	212	1.439	90	22		
WEIGHT KG				212	1.439	90			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/10/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:45
FLIGHT: 11	TO: PPD - CLI	CREW: Khang - CHIẾN - NPhú -	ETA: 13:25
VANG-3		DTùng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN SƠN	PPD	29	1	5		65	LILAMA18	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN VINH	PPD	28	1	4		65	LILAMA18	Vietnamese
3	LE DINH HOE	PPD	32	1	4		73	PVGAS	Vietnamese
4	HOANG MINH HAI	PPD	31	1	7		55	LILAMA18	Vietnamese
5	NGUYEN MANH HUNG	PPD	33	1	9		75	PVGAS	Vietnamese
6	VŨ VIỆT HUYNH	PPD	30	1	5		61	LILAMA18	Vietnamese
7	ĐẶNG NHẬT MINH	CLI	73	1	4	40	75	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM TRỌNG TUẤN	CLI	4000	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CLI	96	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN DŨ	CLI	97	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN THIỆN PHƯỚC	CLI	72	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN MINH ĐỨC	CLI	95	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN KHANH	CLI	98	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VĂN TUYẾN	CLI	99	1	14		78	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN KHANH	CLI	74-75	2	8		79	KH-THAC	Vietnamese
16	ARTIUSHIN	CLI	94	1	13		91	ANTOAN	Russian
17	PHẠM THANH NHÀ	CLI	71	1	5		82	PSV	Vietnamese
18	LÊ CAO HAI	CLI	51	1	5		63	PSV	Vietnamese
19	CAO VIỆT BAO	CLI	69	1	7		55	PSV	Vietnamese
20	PHAN THANH NAM	CLI	70	1	10		75	PSV	Vietnamese
21	TU DUONG HUNG	CLI	68	1	4		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	6	6	34	394	0	6		
2	CLI	15	16	107	1.065	40	16		
TOTAL		21	22	141	1.459	40	22		
WEIGHT KG				141	1.459	40			

GRAND TOAL: 1.640 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN